

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG THCS PHÚ MỸ

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA
GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN TOÁN LỚP 6

Thời gian 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên khác 0 không vượt quá 4 là :

- A. $\{1; 2; 3\}$ B. $\{1; 2; 3; 4\}$ C. $\{0; 1; 2; 3\}$ D. $\{0; 1; 2; 3; 4\}$

Câu 2. Trong các số 203; 581; 3174; 1003. Số chia hết cho 3 là

- A. 203 B. 581 C. 1003 D. 3174

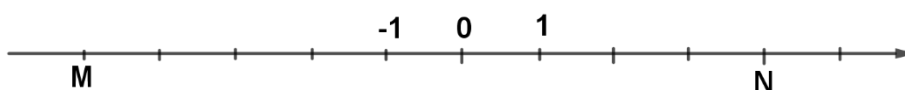
Câu 3. Số đối của 3 là:

- A. -3 B. 0 C. 1 D. Câu A, B, C đều sai

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 4 là:

- A. $U(4) = \{1; 2; 4\}$. B. $U(4) = \{-4; -2; -1; 1; 2; 4\}$
C. $U(4) = \{-1; -2; -4\}$. D. $U(4) = \{-4; -2; -1; 0; 1; 2; 4\}$

Câu 5. Trên hình vẽ, điểm M, N biểu diễn các số nguyên

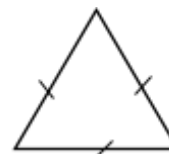
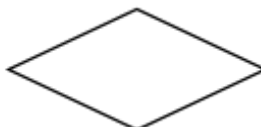


- A. -5; 4.
B. 5; 4. C. 5; -4 D. -5; -4

Câu 6. Thực hiện phép tính $18 \cdot 26 + 26 \cdot 32$. Kết quả là:

- A. 1 500. B. 1 300 C. 258 D. 1200

Câu 7. Hình nào dưới đây là hình vuông?



- A. B. C. D.

Câu 8. Yếu tố nào sau đây không phải của hình thoi?

- A. Hai cặp cạnh đối diện song song B. Hai đường chéo vuông góc với nhau
C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau D. Có 4 góc vuông

Câu 9. Danh sách học sinh nhóm 1 của lớp 6A.

STT	Họ và tên
1	Nguyễn văn An
2	Trương Thanh Bình
3	20/10/2011
4	Lê Ngọc Trang

Bạn số mấy cung cấp thông tin không hợp lí

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4

Câu 10. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS		0	1	0	3	5	8	8	5	4	1

Số học sinh đạt điểm trung bình (từ điểm 5 trở lên) là:

- A.26 B.31 C.8 D.4

Câu 11. Số học sinh lớp 6A được điểm 10 trong tuần được ghi trong bảng sau.

Ngày	Số học sinh được 10 điểm
Thứ Hai	  
Thứ Ba	 
Thứ Tư	   
Thứ Năm	    
Thứ Sáu	  

( = 3 học sinh)

Số học sinh được 10 điểm của ngày thứ tư là:

- A. 12 B. 9 C. 16 D. 15

Câu 12. Bạn An đi nhà sách mua 5 cây bút bi cùng loại và 8 quyển tập cùng loại. Biết giá tiền một quyển tập là 12 000 đồng. Bạn đưa chị thu ngân 150 000 đồng và được chị trả lại 24 000 đồng.

Hỏi giá tiền của 1 cây bút mà bạn An đã mua là bao nhiêu?

A. 4 000 đồng

B. 3 000 đồng

C. 5 000 đồng

D. 6 000 đồng

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

- Liệt kê ba số lẻ liên tiếp là số nguyên tố.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 12; -4; 9; -11
- Viết tập hợp A các ước của 12
- Tính giá trị của biểu thức $\{100: [45 - 45: (-9)] - 32\} \cdot 5 - 2 \cdot 5^2$

Câu 2. (2,25 điểm)

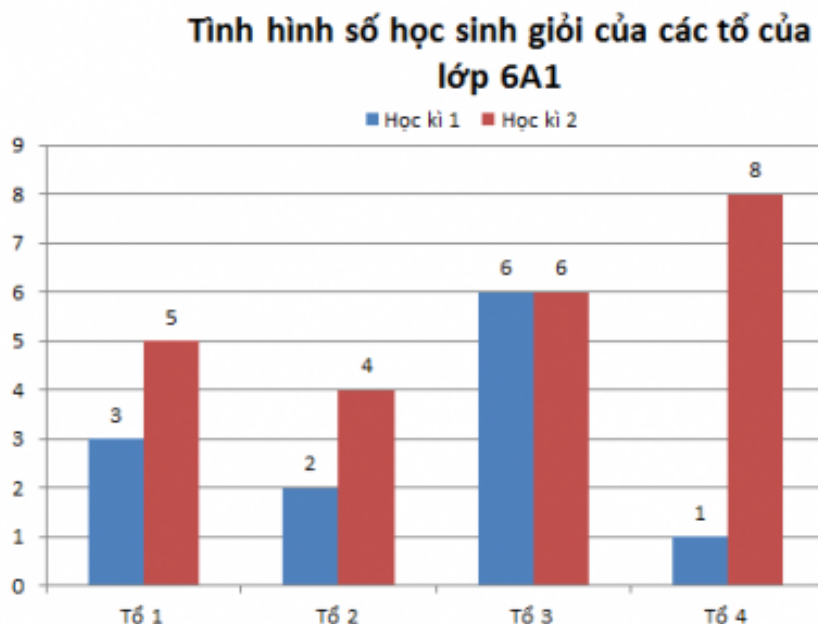
- Tính giá trị biểu thức $2^{29} : 2^{26} + 3 \cdot 5^2 - 2022^0$
- Tìm x biết, $3 \cdot x + 14 = -16$
- Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ. Tính số học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em.

Câu 3. (1,25 điểm)

Một mảnh vườn dùng để trồng rau có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 12m và 5m.

- Em hãy tính chu vi mảnh vườn đó.
- Cho biết cứ 4m^2 đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

Câu 4: (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1.



Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :

- Trong tổ 2, Số học sinh giỏi của học kì nào nhiều hơn ?
- Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2

----HẾT---

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	D	A	B	A	B	A	D	C	B	A	D

II. TỰ LUẬN: (7,0điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố lẻ liên tiếp là: 3; 5; 7.	0,5
1b (0,5đ)	Các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 12; 9; -4; -11	0,5
1c (0,5đ)	$A = U(12) = \{-12; -6; -4; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 4; 6; 12\}$	0,5
d (1,0đ)	$\{100: [45 - 45: (-9)] - 32\} \cdot 5 - 2 \cdot 5^2$ $= \{100: [45 - (-5)] - 32\} \cdot 5 - 2 \cdot 5^2$ $= \{100: 50 - 32\} \cdot 5 - 2 \cdot 5^2$ $= \{2 - 32\} \cdot 5 - 2 \cdot 5^2$ $= -30 \cdot 5 - 2 \cdot 25$ $= -150 - 50$ $= -200$	0,25 0,25 0,25 0,25
2a (0,75đ)	a) $2^{29}: 2^{26} + 3 \cdot 5^2 - 2022^0$ $= 2^3 + 3 \cdot 5^2 - 2022^0$ $= 8 + 3 \cdot 25 - 1$ $= 8 + 75 - 1$ $= 83 - 1$ $= 82$	0,25 0,25 0,25
2b (0,5đ)	b) $3 \cdot x + 14 = -16$ $3 \cdot x = -16 - 14$ $3 \cdot x = -30$	0,25

	$x = -30: 3$ $x = -10$	0,25
2c (1,0đ)	+ Gọi số học sinh lớp 6A là x (học sinh) ($x \in \mathbb{N}^*$) + Vì khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ: Nên: $x \in BC(2; 3; 4)$ + Tính được : $BCNN(2; 3; 4) = 12$ $\Rightarrow x \in BC(2; 3; 4) = B(12) = \{0; 12; 24; 36; \dots\}$ Và: số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em. Do đó: $x = 36$ Kết luận	0,25 0,25 0,25 0,25
3a (0,5đ)	a/ chu vi mảnh vườn: $(12 + 5) \cdot 2 = 34 \text{ (m)}$	0,5
3b (0,75đ)	b/ Diện tích mảnh vườn là: $12 \cdot 5 = 60 \text{ (m}^2\text{)}$ Số túi hạt giống cần để rải hết mảnh vườn là: $60 : 4 = 15 \text{ (túi)}$	0,25 0,5
4a (0,5đ)	a/ Trong tổ 2, Số học sinh giỏi của học kì 2 nhiều hơn	0,5
4b (0,5đ)	b/ Tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2 là: $5 + 4 + 6 + 8 = 23 \text{ (học sinh)}$	0,5

---Hết---

